

Bản án số: 767/2024/DS-ST
Ngày: 25/9/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1) Ông Vũ Huy Hoàng
- 2) Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 733/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 691/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 582/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M; Địa chỉ trụ sở chính: Số D Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Moon Y – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T, ông Ngô Vĩnh N, ông Nguyễn Ý Q; Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng C Tòa nhà G, D Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo Giấy ủy quyền lập ngày 27/12/2023) _ ông Q có đơn xin vắng mặt.

Bi đơn: Ông Phùng Văn K, sinh năm: 1979; Địa chỉ: Số A, tổ B, ấp A, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh _ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH M có người đại diện là ông Nguyễn Ý Q trình bày:

Vào ngày 25/05/2021, ông Phùng Văn K và Công ty T2 (Việt Nam) đã ký Hợp đồng tín dụng số 2276999. Theo đó, Công ty T2 (Việt Nam) đã cho ông Phùng Văn K vay tiền với các nội dung sau: Số tiền vay: 31.650.000 đồng; Thời hạn: 35 tháng; Lãi suất: 45%/năm; Mục đích vay: Tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống.

Kể từ ngày 08/08/2021, ông Phùng Văn K đã không thanh toán mặc dù Công ty T2 (Việt Nam) đã thực hiện nhắc nhở thanh toán nhiều lần. Việc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết, kế hoạch trả nợ của ông Phùng Văn K đã vi phạm các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngày 20/06/2022, Công ty TNHH M đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 2731/2022/TTCN/MAFC-WELCOME với Công ty T2 (Việt Nam) về khoản nợ của ông Phùng Văn K.

Tính đến ngày 25/9/2024, ông Phùng Văn K còn nợ Công ty TNHH M số tiền là 80.592.842 đồng (T1 mươi triệu năm trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc là 29.664.897 đồng, nợ lãi là 50.927.945 đồng.

Việc không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng cam kết, kế hoạch trả nợ của ông Phùng Văn K đã vi phạm các điều khoản trong hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, Công ty TNHH M yêu cầu Tòa án:

1/ Buộc ông Phùng Văn K có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Công ty TNHH M nợ Welcome toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 80.592.842 đồng (T1 mươi triệu năm trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 29.664.897 đồng, nợ lãi là 50.927.945 đồng.

2/ Ngoài ra, kể từ ngày 26/9/2024, nếu ông Phùng Văn K vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ, ông Phùng Văn K vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn ông Phùng Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phùng Văn K vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo hợp lệ. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phùng Văn K là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH M đối với bị đơn ông Phùng Văn K. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu ông Phùng Văn K thanh toán số tiền vốn vay và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Phùng Văn K cư trú tại số A, tổ B, ấp A, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Công ty TNHH M là ông Nguyễn Ý Q vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Phùng Văn K đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phùng Văn K.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Phùng Văn K đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng ông K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho ông K biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay ông K vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ

yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4.2] Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng của ông Phùng Văn K ký ngày 25/5/2021 với nội dung yêu cầu Công ty T2 (Việt Nam) cho vay số tiền là 31.650.000 đồng. Cùng ngày, Công ty T2 (Việt Nam) đã phê duyệt cho ông Phùng Văn K vay số tiền 31.650.000 đồng, trong đó: số tiền vay là 30.000.000 đồng và phí bảo hiểm là 1.650.000 đồng; thời hạn vay là 35 tháng; lãi suất là 3,75%/tháng (tương đương 45%/năm). Theo thỏa thuận thì ông K có trách nhiệm thanh toán số tiền 56.430.527 đồng (cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 35 tháng, 34 tháng đầu mỗi tháng trả 1.630.142 đồng, tháng cuối cùng trả 1.005.699 đồng, bắt đầu trả từ ngày 10/6/2021.

Thực hiện hợp đồng, Công ty T2 (Việt Nam) đã giải ngân số tiền vay nêu trên bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông Phùng Văn K tại Ngân hàng Đ, ông K đã nhận đủ tiền và đã thanh toán cho Công ty T2 (Việt Nam) số tiền 4.890.000 đồng, trong đó: tiền vốn là 1.985.103 đồng và tiền lãi là 2.904.897 đồng. Kể từ ngày 08/08/2021 đến nay, ông K không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào cho Công ty dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, đôn đốc ông K thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[4.3] Ngày 20/6/2022, Công ty T2 (Việt Nam) và Công ty TNHH M ký kết Hợp đồng mua bán nợ số: 2731/2022/TTCN/MAFC-WELCOME, Phụ lục Hợp đồng mua bán nợ số: 2731/2022/TTCN/MAFC-WELCOME xác nhận Công ty T2 (Việt Nam) đã chuyển nhượng khoản vay của ông Phùng Văn K cho Công ty TNHH M.

Việc mua bán nợ giữa Công ty T2 (Việt Nam) và Công ty TNHH M được thực hiện theo quy định của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài và Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 của Thống đốc Ngân hàng N1 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài.

Tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định: “Bên bán nợ là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có khoản nợ được bán theo quy định tại khoản 2 Điều này”.

Tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 quy định: “4. Bên mua nợ là tổ chức, cá nhân, bao gồm: a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng N2 được Ngân hàng N1 (sau đây là Ngân hàng N1) chấp thuận hoạt động mua nợ; b) Tổ chức khác, cá nhân (bao gồm cả tổ chức, cá nhân là người cư trú và người không cư trú)”.

Tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022 quy định: “1. Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ được

mua, bán của bên bán nợ kể từ thời điểm bên mua nợ nhận chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ”.

Từ những viện dẫn trên, xét thấy chủ thể mua bán nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số: 2731/2022/TTCN/MAFC-WELCOME ngày 20/6/2022 giữa Công ty T2 (Việt Nam) và Công ty TNHH M là hợp pháp, đúng quy định tại Điều 13 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015 quy định về hợp đồng mua, bán nợ. Căn cứ theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022, Công ty TNHH M có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phùng Văn K thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn vay và lãi còn nợ tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 80.592.842 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2276999 ký ngày 25/5/2021 giữa ông Phùng Văn K và Công ty T2 (Việt Nam), Hợp đồng mua bán nợ số: 2731/2022/TTCN/MAFC-WELCOME ngày 20/6/2022 giữa Công ty T2 (Việt Nam) và Công ty TNHH M và căn cứ vào các quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015, khoản 2, khoản 9 Điều 1 Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022, đối chiếu quy định như trên thì yêu cầu của Công ty TNHH M buộc ông Phùng Văn K phải trả ngay một lần cho Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2024 là 80.592.842 đồng (T1 mười triệu năm trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), trong đó nợ gốc là 29.664.897 đồng, nợ lãi là 50.927.945 đồng. Ông Phùng Văn K có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4.4] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Phùng Văn K tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

Từ những viện dẫn và phân tích nêu trên, Công ty TNHH M yêu cầu ông Phùng Văn K trả toàn bộ khoản nợ gốc, lãi quá hạn tính đến ngày 25/9/2024 là 80.592.842 đồng (T1 mười triệu năm trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và lãi tiếp tục tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông K trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất trong hợp đồng đã ký kết là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 3 Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17/7/2015;

Căn cứ khoản 2, khoản 9 Điều 1 Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26/12/2022;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với ông Phùng Văn K.

Buộc ông Phùng Văn K có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền 80.592.842 đồng (T1 mươi triệu năm trăm chín mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phùng Văn K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

- Ông Phùng Văn K chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.029.642 đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng).

- H lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí là 1.624.216 (Một triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm mười sáu đồng) theo biên lai thu số 0020882 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

- Nơi nhận:

- TAND TP . HCM
- VKSND TP . HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Hải